

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17-7-2024

V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khoa; Ông Bùi Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1./ *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974; địa chỉ: 118/39 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2./ *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973; địa chỉ: 7118/39 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện; văn bản trình bày ý kiến; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H (sau đây gọi tắt là ông H) trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L cưới nhau vào năm 1993, nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông bà chung sống với nhau hạnh phúc, cho đến cách nay khoảng 04 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, bất đồng trong quan hệ tình cảm, vợ chồng không gần gũi với nhau và nhiều mâu thuẫn tế nhị khác không thể nêu cụ thể. Đến khoảng năm 2020, ông bà đã ly thân với nhau cho đến nay mà không thể hàn gắn lại được. Do nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên

ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L có hai người con chung là Nguyễn Thị Yên L, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh T, sinh năm 2003 (đã trưởng thành). Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

Về tài sản: Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

Về nợ: Ông Nguyễn Văn H xác định là không có nợ.

- Trong văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn là bà Nguyễn Thị L (sau đây gọi tắt là bà L) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: có hai người con chung là Nguyễn Thị Yên L, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh T, sinh năm 2003 (đã trưởng thành). Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

Về tài sản: Bà Nguyễn Thị L xác định là bà không có tranh chấp.

Về nợ: Bà Nguyễn Thị L xác định không có.

Bà L yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông H và bà L đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày của các đương sự này tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng” với bà Nguyễn Thị L, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L đều có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà Nguyễn Thị L Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của ông bà là không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công

nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L có hai người con chung là Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh T, sinh năm 2003 (đã trưởng thành). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông H và bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến những người con này nên không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L có hai người con chung là Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh T, sinh năm 2003 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân). Ông H, bà Loan đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến những người con này nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L thống nhất xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000935 ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Ông Nguyễn Văn H (01 bản);
- Bà Nguyễn Thị L (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyên